TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2025/DS-ST
Ngày: 29 – 4 – 2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng
cầm cố tài sản và Hợp đồng mượn tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Anh Đoan và bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2025/TLST–DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng cầm cố tài sản và Hợp đồng mượn tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S (Công ty TNHH S1)

Địa chỉ trụ sở: phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1994. Địa chỉ liên hệ: số B quốc lộ I, khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. (theo Giấy uỷ quyền ngày 05/3/2025) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2024 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Ngày 25/01/2021, bà Nguyễn Hoàng D có cầm cố tài sản với Công ty TNHH S1 - Chi nhánh A, nay là Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là "Công ty")

theo Hợp đồng cầm cố số CPM210101013NA18X ngày 25/01/2021 và giấy mượn xe ký ngày 25/01/2021. Tài sản cầm cố là 01 (một) xe máy; nhãn hiệu: Honda; Loại: Vision, B số xe: 67K1-637.17; Số khung: 5810GY531398; Số máy: JF66E0467127 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 044328 do Công an huyện P cấp ngày 12/04/2018. Số tiền cầm cổ là 19.800.000 đồng; thời hạn cầm cố: 12 tháng, mục đích cầm cố là phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, giải ngân ngày 25/01/2021.

Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận đã ký như sau: Lãi suất cầm cố: 1,1%/tháng; Phí thẩm định tài sản 04%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; Phí đăng ký và xóa Giao dịch đảm bảo là 150.000 đồng/lần; P mượn xe theo giấy mượn xe: 0 đồng và phí phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ trên dư nợ thực tế chưa đến hạn.

Do nhu cầu công việc nên cùng ngày 25/01/2021 bà Nguyễn Hoàng D có đơn gửi Công ty xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo theo nội dung giấy mượn xe ngày 25/01/2021. Thời gian mượn xe là 01 (một) tháng từ ngày 25/01/2021 đến ngày 25/02/2021.

Sau khi nhận đủ tiền thì bà D không thực hiện đúng thoả thuận đã ký kết. Tính đến ngày 27/3/2025, bà D chỉ thanh toán cho công ty số tiền là 18.092.200 đồng (trong đó, tiền gốc 8.433529.10 đồng, tiền lãi 3.982.414 đồng; phí 1.088.316.46 đồng, tiền phí phạt trễ hạn 4.587.740 đồng).

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần S1 rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với phí quản lý hồ sơ là 1.632.267,84 đồng.

Nay, Công ty yêu cầu buộc bà Nguyễn Hoàng D phải thanh toán cho Công ty Cổ Phần S số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2025 là 18.743.140,16 đồng. Trong đó, tiền gốc 11.366.470,90 đồng; lãi trong hạn là 455.721,17đồng; tiền lãi quá hạn là 6.920.948,09đồng. Ngoài ra bà D còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 28/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Hoàng D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì Công ty Cổ Phần S được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty Cổ Phần S. Tài sản cầm cố là 01 (một) xe máy ; Nhãn hiệu: Honda; Loại: Vision, B số xe: 67K1-637.17; Số khung: 5810GY531398; Số máy: JF66E0467127 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 044328 do Công an huyện P cấp ngày 12/04/2018.Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Hoàng D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty Cổ phần S.

Công ty cổ phần S đang giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký số 044328 do Công an huyện P cấp ngày 12/04/2018 đứng tên Nguyễn Hoàng D, sau khi bà D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty sẽ giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy nói trên cho bà D.

Bị đơn bà Nguyễn Hoàng D đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phí quản lý hồ sơ 1.632.267,84 đồng. Căn cứ Điều 309, Điều 311, Điều 312 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. bà Nguyễn Hoàng D phải thanh toán cho Công ty Cổ Phần S số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2025 là 18.743.140,16 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 11.366.470,90 đồng; Tiền lãi trong hạn là 455.721,17đồng; tiền lãi quá hạn là 6.920.948,09đồng. Ngoài ra bà D còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 28/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Hoàng D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty Cổ Phần S được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty Cổ Phần S.

Công ty phải trả lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký số 044328 do Công an huyện P cấp ngày 12/04/2018 đứng tên Nguyễn Hoàng D sau khi bà D thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ. Bà D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền và phí phát sinh từ hợp đồng cầm cố xe máy và giấy mượn xe, nên xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng cầm cố tài sản và Hợp đồng mượn tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền:* Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn bà Nguyễn Hoàng D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có người đại diện tham gia phiên toà nên căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4] Đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phí quản lý hồ sơ 1.632.0267,84 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Thông qua Hợp đồng cầm cố số CPM210101013NA18X ký ngày 25/01/2021 giữa Công ty cổ phần S với bà Nguyễn Hoàng D, Công ty đã giải ngân cho bà Nguyễn Hoàng D số tiền 19.800.000 đồng. Hai bên thoả thuận thời hạn cầm cố 12 tháng, lãi suất 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản cầm cố là 01 (một) xe máy; nhãn hiệu: Honda; Loại: Vision, B số xe: 67K1-637.17; Số khung: 5810GY531398; Số máy: JF66E0467127 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 044328 do Công an huyện P cấp ngày 12/04/2018. Xét thấy, Công ty Cổ phần S hoạt động lĩnh vực nhận cầm cố tài sản có đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, hợp đồng cầm cố ngày 25/01/2021 giữa Công ty cổ phần S với bà Nguyễn Hoàng D, được lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015 làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 29/4/2025 bà D chỉ trả vốn, lãi được 18.092.000đồng thì ngưng đến nay, đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Công ty Cổ phần S có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ, lãi suất cầm cố 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP01/7/2016 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì mức lãi suất theo hợp đồng cầm cố ngày 25/01/2021 phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Công ty cổ phần S đang giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký số 044328 do Công an huyện P cấp ngày 12/04/2018 đứng tên Nguyễn Hoàng D, sau khi bà D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty phải có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy nói trên cho bà D.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 309, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 316, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ Phần S về phí quản lý hồ sơ 1.632.0267,84 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ Phần S đối với bà Nguyễn Hoàng D.

- Buộc bà Nguyễn Hoàng D phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ Phần S tổng số tiền là 18.743.140,16 đồng (trong đó: tiền gốc 11.366.470,90 đồng; lãi trong hạn là 455.721,17 đồng; tiền lãi quá hạn là 6.920.948,09 đồng tạm tính đến ngày 27/3/2025).

- Kể từ ngày 28/3/2025, bà Nguyễn Hoàng D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố CPM210101013NA18X ngày 25/01/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bà Nguyễn Hoàng D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty Cổ Phần S được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ. Tài sản cầm cố là 01 (một) xe máy; Nhãn hiệu: Honda; Loại: Vision, B số xe: 67K1-637.17; Số khung: 5810GY531398; Số máy: JF66E0467127 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 044328 do Công an huyện P cấp ngày 12/04/2018.

Sau khi bà D thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ thì Công ty Cổ Phần S phải trả lại cho bà Nguyễn Hoàng D 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký số 044328 do Công an huyện P cấp ngày 12/04/2018 đứng tên Nguyễn Hoàng D.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ Phần S không phải chịu án phí và được hoàn lại 510.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0011746 ngày 07/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Hoàng D phải chịu 937.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Tuyền